



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 02 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: [www.capnuocthaibinh.com](http://www.capnuocthaibinh.com)

Số phiếu kết quả: 01/KQXN.01.42.2025

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM**



**I. Thông tin mẫu:**

1. Tên mẫu: Nước sinh hoạt

**2. Mã mẫu:**

18.11.25.A1(M1): Vòi phát Xí nghiệp Quỳnh Côi

18.11.25.A2(M2): GD Vũ Thị Thu: SN 98, Nguyễn Du, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên

18.11.25.A3(M3): GD Trần Văn Nhã: SN 274, Trần Hưng Đạo, xã Quỳnh Phụ, tỉnh Hưng Yên

3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai kín Thể tích mẫu: 1000ml

4. Nơi lấy mẫu: Xí nghiệp nước Quỳnh Côi

5. Địa chỉ: Số 358 – Đường Nguyễn Du - Xã Quỳnh Phụ - Tỉnh Hưng Yên

6. Người gửi mẫu/Lấy mẫu: Đỗ Như Cường

7. Ngày nhận mẫu: 18/11/2025

8. Thời gian thí nghiệm: 18/11/2025

**II. Kết quả phân tích:**

**1. Chỉ tiêu hóa lý:**

| TT | Chỉ tiêu thử nghiệm                        | Phương pháp                | Kết quả         |                 |                 | Đơn vị     | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|--------------------------------------------|----------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------|--------------------|
|    |                                            |                            | M1              | M2              | M3              |            |                    |
| 1. | Màu sắc (*)                                | Method 8025 (LoD= 1.13)    | KPH             | KPH             | KPH             | mg/L Pt-Co | 15                 |
| 2. | Mùi vị                                     | Cảm quan                   | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ | /          | Không có mùi lạ    |
| 3. | pH (*)                                     | TCVN 6492:2011             | 6.91            | 7.14            | 7.11            | /          | 6.0 → 8.5          |
| 4. | Độ đục (*)                                 | TCVN 12402-1:2020          | 0.166           | 0.219           | 0.151           | NTU        | 2                  |
| 5. | Clo dư (*)                                 | Method 8021 (LoD= 0.05)    | 0.46            | 0.35            | 0.29            | mg/L       | 0.2 → 1.0          |
| 6. | Sắt (Fe) (*)                               | Method 8008 (LoD= 0.012)   | < 0.041         | < 0.041         | < 0.041         | mg/L       | 0.3                |
| 7. | Mangan (Mn) (*)                            | Method 8149 (LoD= 0.006)   | KPH             | KPH             | KPH             | mg/L       | 0.1                |
| 8. | Độ cứng tổng (theo CaCO <sub>3</sub> ) (*) | TCVN 6224:1996 (LoD= 8.02) | 60              | 65              | 60              | mg/L       | 300                |
| 9. | Hàm lượng Amoni (*)                        | Method 8038 (LoD= 0.02)    | KPH             | KPH             | KPH             | mg/l       | 1                  |

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. “\*” Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. “\*\*\*” Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI BÌNH**  
**BỘ PHẬN XÉT NGHIỆM – PHÒNG KẾ HOẠCH KỸ THUẬT**

Số 02 Đường Trần Thủ Độ, Phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên

Tell: (+84) 02273 831 632

Website: [www.capnuocthaibinh.com](http://www.capnuocthaibinh.com)

Số phiếu kết quả: 01/KQXN.01.12.2025

| TT  | Chỉ tiêu thử nghiệm                         | Phương pháp                   | Kết quả                    |                            |                            | Đơn vị | QCVN<br>01-1:2024/BYT |
|-----|---------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------|--------|-----------------------|
|     |                                             |                               | M1                         | M2                         | M3                         |        |                       |
| 10. | Nitrit ( $\text{NO}_2^-$ tính theo N) (*)   | Method 8507<br>(LoD= 0.0015)  | < 0.0052                   | < 0.0052                   | < 0.0052                   | mg/L   | 0.9                   |
| 11. | Hàm lượng Sulfate ( $\text{SO}_4^{2-}$ )(*) | Method 8051<br>(LoD= 1.22)    | KPH                        | KPH                        | KPH                        | mg/L   | 250                   |
| 12. | Chỉ số Pecmanganat (*)                      | TCVN 6186:1996<br>(LoD= 0.10) | 1.09                       | 1.18                       | 1.6                        | mg/L   | 2                     |
| 13. | Hàm lượng muối Clorua (*)                   | TCVN 6194:1996<br>(LoD= 1.20) | 24.82                      | 23.4                       | 21.98                      | mg/L   | 250 hoặc 300          |
| 14. | Hàm lượng Asen (**)                         | SMEWW3114<br>B:2017           | <0.65x10 <sup>-3</sup> (b) | <0.65x10 <sup>-3</sup> (b) | <0.65x10 <sup>-3</sup> (b) | mg/L   | 0.01                  |

**2. Chỉ tiêu vi sinh:**

| TT | Chỉ tiêu thử nghiệm | Phương pháp      | Kết quả |     |     | Đơn vị    | QCVN<br>01-1:2024/BYT |
|----|---------------------|------------------|---------|-----|-----|-----------|-----------------------|
|    |                     |                  | M1      | M2  | M3  |           |                       |
| 1. | Coliform (**)       | TCVN 6187-1:2019 | KPH     | KPH | KPH | CFU/100ml | < 1                   |
| 2. | E.coli (**)         | TCVN 6187-1:2019 | KPH     | KPH | KPH | CFU/100ml | < 1                   |

Ghi chú: + KPH: không phát hiện (Kết quả dưới mức LoD)

+ LoD (b): Giá trị giới hạn phát hiện của phương pháp thử

+ LoQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử.

+ Giới hạn phát hiện của phương pháp thử E.coli, Coliform: LoD E.coli, Coliform : 01CFU/100ml



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trần Văn Đức

**TRƯỞNG PHÒNG KH-KT**

Nguyễn Trung Kiên

Hưng Yên, ngày 01 tháng 12 năm 2025

**TRƯỞNG BP XÉT NGHIỆM**

Phùng Thị Thu Hà

Lưu ý: 1. Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu khách hàng gửi tới.

2. Không được sao chép từng phần kết quả này khi chưa được sự đồng ý của BPXN.

3. “\*” Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

4. “\*\*” Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.